

Số: 428/QĐ-UBND

Phú Thiên, ngày 24 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia phỏng vấn
kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2018 của huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Gia Lai; Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Gia Lai;

Thực hiện văn bản số 910/SNV-XDCQ ngày 23/7/2013 của Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Thực hiện Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 03/8/2018 của UBND huyện về tuyển dụng công chức cấp xã năm 2018 trên địa bàn huyện Phú Thiên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 19 thí sinh dự xét tuyển công chức có đủ điều kiện tham gia phỏng vấn kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2018 của huyện Phú Thiên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Phòng Nội vụ có trách nhiệm thông báo danh sách thí sinh có đủ điều kiện tham gia phỏng vấn kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2018 của huyện Phú Thiên và đăng trên trang Website của UBND huyện để thí sinh biết.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và cá nhân thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Trưởng ban giám sát;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



DANH SÁCH THI SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA PHÒNG VẤN KỲ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện)

Họ và Tên		Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ các mặt				Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Đối tượng ưu tiên	Điểm xét tuyển			Điểm ưu tiên công chức	Tên ngạch công chức	Mã ngạch công chức	Đơn vị dự tuyển	
		Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai (đủ 36 tháng trở lên)	Tỉnh Gia Lai chưa đủ 36 tháng và tỉnh khác	Văn hóa	Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học					Tổng số	Điểm trung bình toàn khóa	Điểm tốt nghiệp hoặc bảo vệ luận văn					
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
Ấp danh Văn phòng - Thống kê																							
or	H' Loan		1994	Jrai	Phú Thiện, Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Quản lý nhà nước	B	B	Chính quy (công lập)	Học viên Hành chính	Khá	Người Jrai	227.4	147.4	60	20	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ia Piar	
or	Quy		1993	Jrai	Ayun Pa Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Quản lý nhà nước	B	B	Chính quy (công lập)	Đại học Quy Nhơn	Trung bình khá	Người Jrai	203.3	122.2	61.1	20	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ia Piar	
ui Ngọc	Phú	1988		Kinh	Yên Mô Ninh Bình	x		12/12	Cử nhân Hành Chính học	B	B	Chính quy (công lập)	Học Viện Hành chính	Trung bình khá	Không	194.4	134.4	60	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ia Piar	
or	H' Nham		1990	Jrai	Phú Thiện- Gia Lai	x		12/12	Cử nhân Giáo dục Chính trị	B	A	Chính quy (công lập)	Đại học Tây nguyên	Khá	Người Jrai	263	158	85	20	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ia Piar	
Thị	Trang		1996	Kinh	Yên Mô - Ninh Bình	x		12/12	Cử nhân Giáo dục chính trị	B1	Cơ bản	Chính quy (công lập)	Đại học Tây nguyên	Khá	Không	246.00	151	95	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ayun Hạ	

Họ và Tên		Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ các mặt				Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Đội tượng ưu tiên	Điểm xét tuyển			Điểm ưu tiên công chức	Mã ngành	Đơn vị dự tuyển	
		Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai (đủ 36 tháng trở lên)	Tỉnh Gia Lai chưa đủ 36 tháng và tỉnh khác	Văn hóa	Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học					Tổng số	Điểm trung bình toàn khóa	Điểm tốt nghiệp hoặc bảo vệ luận văn				
2		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Nguyễn Thị	Lan		1989	Kinh	Tiên Du Bắc Ninh	x		12/12	Cử nhân Ngữ Văn	B	A	Chính quy (công lập)	Đại học Quy Nhơn	Khá	Không	252.80	152.8	100	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ayun Hạ
Đặng Thị	Chung		1995	Thái	Bá Thước Thanh Hóa	x		12/12	Cử nhân Quản lý nhà nước	B	B	Chính quy (công lập)	Đại học Quy Nhơn	Khá	Không	213.90	142.6	71.3	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ayun Hạ
Đoàn Thị	Noát		1995	Jrai	Phú Thiện Gia Lai	x		12/12	Cao đẳng Quản trị văn phòng		A	Chính quy (công lập)	Cao đẳng Sư phạm Gia Lai	Khá	Người Jrai	236.80	146.8	70	20	Chuyên viên cao đẳng	01a.003	UBND xã Ayun Hạ
Đinh Thị	Giang		1992	Kinh	Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	x		12/12	Cử nhân Hành Chính học	B	B	Chính quy (công lập)	Đại học Quy Nhơn	Trung bình	Không	207	138	69	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ayun Hạ
Thức danh Tài chính - Kế toán																						
Đinh Thị	Tâm		1990	Tày	Trùng Khánh - Cao Bằng	x		12/12	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng	B	B	Chính quy (công lập)	Đại học kinh tế thuộc ĐH Đà Nẵng	Trung bình	Không	192.6	128.4	64.2	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ia Ake

u

Họ và Tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ các mặt				Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Đối tượng ưu tiên	Điểm xét tuyển			Điểm ưu tiên công chức	Mã ngành công chức	Đơn vị dự tuyển	
	Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai (đủ 36 tháng trở lên)	Tỉnh Gia Lai chưa đủ 36 tháng và tỉnh khác	Văn hóa	Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học					Tổng số	Điểm trung bình toàn khóa	Điểm tốt nghiệp hoặc bảo vệ luận văn				
2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đỗ Thị Ngọc Ninh		1990	Kinh	Ý Yên - Nam Định	x		12/12	Cao đẳng Kế Toán		B	Chính quy (công lập)	Cao đẳng Công thương TP. HCM	Khá	Không	222.2	142.2	80	0	Chuyên viên cao đẳng	01a.003	UBND xã Ia Ake
Nguyễn Thanh Lâm	1993		Kinh	Triệu Phong - Quảng Trị	x		12/12	Cử nhân Kế Toán	C	KTV	Chính quy (Dân lập)	Đại học Duy Tân	Khá	Không	202.8	135.2	67.6	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Ia Ake
Nguyễn Thị Mỹ Duyên		1992	Kinh	Tiên Lữ - Hưng Yên	x		12/12	Cao đẳng Kế toán	B	A	Chính quy (Công lập)	Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	Khá	Không	247	157	90	0	Chuyên viên cao đẳng	01a.003	UBND xã Chư A Thai
Nguyễn Thị Minh Thư		1992	Kinh	Tây Sơn - Bình Định	x		12/12	Cử Nhân Kế Toán	B	B	Chính quy (Dân lập)	Đại học Đồng Á	Giỏi	Không	246.6	160.6	86	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Chư A Thai
Trần Văn Mờ	1989		Kinh	Sơn Tinh - Quảng Ngãi		x	12/12	Cao đẳng Kế toán	B	B	Chính quy (Công lập)	Đại học Tài chính - Kế toán (Công lập)	Trung Bình	Không	180.6	120.4	60.2	0	Chuyên viên cao đẳng	01a.003	UBND xã Chư A Thai
Nguyễn Thị Mỹ Lợi		1988	Kinh	Tuy Phước Bình Định	x		12/12	Cao đẳng Kế toán	B	B	Chính quy (Dân lập)	Đại học Quang Trung	Trung bình khá	Con của người hoạt động cách mạng	213.2	128.8	64.4	20	Chuyên viên cao đẳng	01a.003	UBND xã Chư A Thai

Họ và Tên		Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hệ khẩu thường trú		Trình độ các mặt				Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Xếp hạng tốt nghiệp	Đối tượng ưu tiên	Điểm xét tuyển			Điểm ưu tiên công chức	Tên ngạch công chức	Mã ngạch công chức	Đơn vị dự tuyển
		Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai (đủ 36 tháng trở lên)	Tỉnh Gia Lai chưa đủ 36 tháng và tỉnh khác	Văn hóa	Cử Nhân Kế Toán	B	B1	B	Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học							
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Nguyễn Văn	Lành		1995	Kinh	Kim Bảng - Hà Nam	x		12/12	Cử Nhân Kế Toán	B	Cơ bản	Chính quy (Công lập)	Đại học Lâm nghiệp	Khá	Không	214.8	143.2	71.6	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Chư A Thai
Thị Nhật	Ly		1995	Kinh	Diễn Châu - Nghệ An	x		12/12	Cử nhân Kế Toán	B1	B	Chính quy (công lập)	Đại học Tài chính - Kế toán	Khá	Không	228.9	152.6	76.3	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Chư A Thai
Trương Thị Hoài	Thu		1991	Kinh	Phù Mỹ, Bình Định	x		12/12	Cử Nhân Kế Toán	B	B	Chính quy (Dân lập)	Đại học Lạc Hồng	Khá	Không	233.4	156.6	77.8	0	Chuyên viên	01.003	UBND xã Chư A Thai

anh sách này có 19 người./.